TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 714/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 01/8/2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Trung Kiên
2. Ông Lê Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trúc Giang – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 tháng 7 năm 2018 và ngày 01 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2017 về tranh chấp ‘‘Ly hôn’’ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 87/2018/QĐST-HNGĐ ngày 5 tháng 7 năm 2018 và Quyết định tạm ngưng phiên tòa số: 24/2018/ QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hưng Q – sinh năm 1960 (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 98/18 đường N, Phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn: Luật sư Trịnh Thị B – Công ty luật trách nhiệm hữu hạn P (Có mặt).

Bị đơn: Bà Mạnh Tường V – sinh năm 1969 (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 28/5 A, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 166/8 đường D, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Thương mại Cổ phần X

Hội sở: Tầng 8, văn phòng số L8-01-11+6 Tòa nhà K, số 72 đường L, phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Q1 – sinh năm 1961; Chức danh: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng Anh V1 – sinh năm 1982 (Theo văn bản ủy quyền số: 358/2016/EIB/UQ-TGĐ ngày 24/5/2016).

Địa chỉ: Ngân hàng Thương mại Cổ phần X – Chi nhánh S, tầng trệt và tầng lửng tòa nhà số 19 đường Z, Phường Y, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Hoàng Anh V1 có yêu cầu vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 23/01/2017 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Hưng Q trình bày: Ông và bà Mạnh Tường V kết hôn với nhau năm 2009 (Giấy chứng nhận kết hôn số: 177/2009 do UBND Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/09/2009). Sau khi kết hôn mỗi người sống 1 nhà, chỉ thỉnh thoảng gặp nhau, mâu thuẫn dẫn đến ly hôn là do suy nghĩ, cách sống không hợp, bà V có quan hệ giao tiếp rộng, không cùng suy nghĩ về tương lai, bà V muốn phát triển thương mại, mua bán trong khi ông muốn phát triển nghành sắt. Ngày 15/12/2016 bà V đã đồng ý ly hôn, bà V đã lừa dối, đưa cho ông ký đơn khi ông đang có khách và thời điểm đó Công ty đang có nhiều vấn đề phải giải quyết nên ông ký đơn, khi ký đơn bà V đã che không cho ông đọc nội dung của đơn, ông xác nhận chữ ký trong đơn ly hôn là của ông.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Ông có ký mua của Công ty R một căn hộ, căn hộ này ông là người đứng tên, tiền mua căn hộ bà V là người trả tiền nên đó là tài sản riêng của bà V. Ông và bà V không có tài sản chung.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn – bà Mạnh Tường V trình bày: Bà và ông Nguyễn Hưng Q kết hôn năm 2009, quá trình chung sống hạnh phúc, vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Nếu

ông Q giải quyết xong vấn đề tài sản, nợ chung thì bà đồng ý ly hôn. Bà và ông Q không có con chung.

Ngày 29/5/2017, bà có Đơn tranh chấp tài sản, do khi sống chung bà và ông Q có mua một căn hộ tại số 10 J, khi mua bà phải đi vay tiền, thế chấp nhà 28/5 đường V, Phường M, quận T để có tiền mua nhà theo tiến độ, căn hộ này ông Q đã bán nên hiện nay bà chỉ yêu cầu được lấy lại tiền đã bỏ ra. Đối với khoản nợ tại Ngân hàng TMCP X – Chi nhánh S. Lần 1 bà vay cuối năm 2014 số tiền 900.000.000đ để mua căn hộ của Công ty R tại số 10 J, Phường W, quận T. Sau đó bà vay thêm 300.000.000đ của Ngân hàng để sửa nhà 28/5 V, Phường M, quận T, bà sửa căn nhà này để làm nhà trọ, thu nhập từ nhà trọ dành để trả cho khoản vay của Ngân hàng. Dư nợ hiện tại của bà đối với hai khoản vay này là 1.093.280.000đ. Đối với khoản nợ của Ngân hàng bà sẽ có trách nhiệm trả và đề nghị ông Q hỗ trợ khoảng 100.000.000đ để bà trả nợ cho Ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ngân hàng TMCP X do ông Nguyễn Hoàng Anh V1 là Người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngân hàng TMCP X xác nhận khoản nợ của bà V tại Ngân hàng là khoản vay cá nhân, bà V đã dùng tài sản riêng để thế chấp và thu nhập cá nhân để thanh toán cho Ngân hàng, quá trình vay bà V thanh toán đầy đủ, dư nợ tính đến ngày 8/01/2018 là 1.423.170.000đ. Trong vụ án ly hôn giữa ông Q, bà V Ngân hàng không tham gia và yêu cầu được vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay,

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn – Luật sư Trịnh Thị B trình bày: Ông Q, bà V kết hôn với nhau năm 2009, quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng đã ly thân trong thời gian dài nên ông Q yêu cầu được ly hôn đối với bà V. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có.

Quá trình hỏi, tranh luận Nguyên đơn – ông Nguyễn Hưng Q trình bày: Quá trình chung sống do quan điểm sống, cách sống không hợp nên vợ chồng không có sự chia sẻ, hôn nhân không đạt được như mong muốn đã làm ảnh hưởng đến tâm lý, sức khỏe, từ giữa năm 2016 đến nay vợ chồng đã ly thân, nên ông yêu cầu được ly hôn với bà V. Trước khi mua căn hộ của Công ty R ông và bà V đã bàn bạc, thống nhất nên tiền mua căn hộ là tiền của hai vợ chồng tích góp, ông đã đưa tiền tiết kiệm của mình cho bà V, bà V là người nộp tiền, còn việc bà V nói vay tiền để chuyển cho Công ty R như thế nào ông không biết. Cuối năm 2015 tình hình kinh doanh của Công ty gặp khó khăn nên ông không còn khả năng mua căn hộ tiếp nên vợ chồng mới thống nhất thanh lý hợp đồng, khi thanh lý hai vợ chồng cùng đến,

cùng nhận tiền, bà V là người cầm tiền mang về nhà, ông chỉ ký hợp đồng thanh lý. Khoản tiền 669.505.605đ nhận của Công ty R, hai vợ chồng đã chi tiêu hết trong khoảng thời gian một tháng nên ông và bà V không còn tài sản chung. Bà V cầm tiền nên hai lần ông yêu cầu bà V đưa tiền để trả nợ, lần 1 trả 12.000.000đ cho Công ty ông làm và lần 2 để trả cho cháu khoảng 17.000.000đ – 18.000.000đ. Do là vợ chồng nên ông không ghi chép lại, không có chứng cứ cung cấp cho Tòa án, bà V cho rằng số tiền 669.505.605đ ông đã chuyển cho con đang đi học ở nước ngoài là không đúng, từ khi ly thân ông về nhà 98/18 đường N sinh sống, ông thừa nhận vợ cũ đang sống cùng nhà với ông, con chung, nợ chung không có.

Quá trình hỏi, tranh luận Bị đơn – bà Mạnh Tường V trình bày: Quá trình chung sống mâu thuẫn là không đáng kể, ông Q bị áp lực từ gia đình vợ cũ, họ muốn ông Q qua Úc sinh sống nên ông Q có trao đổi với bà là tạm thời ly hôn để ông Q bổ túc hồ sơ định cư ở Úc, con ông Q học dược sĩ tại Úc cần phải có tiền đầu tư vào công ty dược để định cư nên việc thiếu tiền, gây áp lực cho ông Q là bình thường. Thời gian sống chung bà đã hai lần có thai nhưng ông Q sợ ảnh hưởng đến các con nên đề nghị bà bỏ thai nhưng sau này bà mới hiểu đó là toan tính riêng của ông Q. Nay bà đồng ý ly hôn, tài sản chung, nợ chung không có.

Quá trình giải quyết vụ án, bà có đơn yêu cầu ông Q phải trả lại cho bà 669.505.605đ tiền mua căn hộ chung cư đã thanh lý, vì bà là người đặt cọc mua căn hộ, là người thanh toán tiền theo tiến độ, để có tiền mua căn hộ bà đã phải vay tiền của Ngân hàng, thế chấp bằng tài sản riêng. Do là vợ chồng, tôn trọng nhau nên bà để cho ông Q đứng tên trong hợp đồng đặt cọc, tài sản hình thành trong tương lai nên Công ty bán nhà họ cũng không đòi hỏi cả hai vợ chồng cùng đứng tên trên hợp đồng đặt cọc chỉ sau này khi đã thanh toán hết tiền, làm thành hợp đồng mua bán thì đương nhiên cả hai vợ chồng cùng đứng tên. Khi thanh lý căn hộ bà đi cùng ông Q, nhưng khi Công ty R trả lại tiền ông Q là người nhận tiền do bà có việc phải đến Công ty. Theo thỏa thuận thì sau khi nhận 669.505.605đ ông Q sẽ chuyển sang Úc cho con còn việc ông Q có chuyển hay không bà không biết. Nay bà chỉ yêu cầu ông Q phải trả lại cho bà 669.505.605đ vì đây là khoản tiền riêng của bà, trước đây bà yêu cầu ông Q hỗ trợ 156.000.000đ là do cùng với số tiền 669.505.605đ ông Q trả bà sẽ đủ để thanh lý cho Ngân hàng, nay bà xin rút lại yêu cầu này.

Ý kiến tranh luận của luật sư Trịnh Thị B: Bà V yêu cầu ông Q phải trả 669.505.605đ là không có cơ sở vì hai bên đều xác định căn hộ là tài sản chung, mua để ở và cùng đóng góp, bà V góp như thế nào ông Q không biết chỉ biết là ông Q có đưa tiền cho bà V để mua căn hộ nhưng trong thời gian hôn nhân nên

không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Nếu là tài sản riêng của bà V thì bà V đã không để cho ông Q đứng tên trong hợp đồng đặt cọc mua bán, khi thanh lý phải có ký giấy xác nhận là tài sản riêng, bà V cũng không chứng minh được tiền trả cho Công ty R là tiền bà V vay mượn. Ông Q là người nhận 669.505.605đ, số tiền này đã chi tiêu trong gia đình hết, nhưng trong thời kỳ hôn nhân nên ông Q không có chứng cứ chứng minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã làm đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn; Chấp nhận yêu cầu của Bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Hưng Q khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bà Mạnh Tường V có nơi cư trú tại số: 28/5 đường A, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Q thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc tham gia phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn – ông Q có mặt; Bị đơn – bà V có mặt; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn – Luật sư Trịnh Thị B có mặt; Ông Nguyễn Hoàng Anh V1 là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP X có yêu cầu vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử theo quy định tại Khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ bản sao Giấy chứng nhận kết hôn số: 177/2009 do UBND Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/9/2009 thì quan hệ hôn nhân giữa ông Q và bà V là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay ông Q vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với bà V do quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng đã ly thân trong thời gian dài. Tại phiên tòa hôm nay, bà V đồng ý ly hôn.

Xét thấy: Ông Q yêu cầu được ly hôn, bà V đồng ý ly hôn là hoàn toàn tự nguyện và không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về con chung: Ông Q và bà V xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không có gì phải xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Ông Q và bà V xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không có gì phải xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Ông Q và bà V xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không có gì phải xem xét giải quyết.

[8] Đối với khoản vay của bà V tại Ngân hàng TMCP X. Bà V xác định đây là khoản vay riêng của bà V và Ngân hàng cũng xác định đây là khoản vay của cá nhân bà V, không có yêu cầu bà V phải thanh toán ngay do bà V vẫn thanh toán đầy đủ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này Ngân hàng có tranh chấp với bà V liên quan đến khoản vay này sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

[9] Đối với yêu cầu của bà V yêu cầu ông Q phải trả lại 669.505.605đ tiền thanh lý căn hộ đã mua của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Địa ốc R (sau đây gọi tắt là Công ty R), Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 8/01/2015 ông Q ký Hợp đồng đặt cọc số: 09/HĐĐC-HT với Công ty R để mua căn hộ số B6-05, tầng 5, Block B thuộc nhà chung cư số 10 J, Phường W, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Giá mua bán căn hộ là 2.479.650.390đ.

Theo trình bày của ông Q thì trước khi mua căn hộ hai vợ chồng đã bàn bạc, thống nhất nên ông đã chuyển tiền tiết kiệm của mình cho bà V giữ, số tiền cụ thể ông không nhớ do không ghi chép lại. Nên tiền bà V chuyển trả cho Công ty R là tiền của hai vợ chồng, khi hai bên thanh lý hợp đồng bà V là người nhận 669.505.605đ từ Công ty R, trong khoảng thời gian một tháng ông và bà V đã chi tiêu trong gia đình hết số tiền này, do là vợ chồng nên ông không có chứng cứ chứng minh.

Theo trình bày của bà V thì để có tiền mua căn hộ bà phải đi vay Ngân hàng, hiện nay bà vẫn đang thanh toán nợ cho Ngân hàng, từ số tiền đi vay bà đã đặt cọc, đã thanh toán theo tiến độ, số tiền đã thanh toán cho Công ty R là 669.505.605đ. Đây là khoản tiền riêng của bà, nên bà yêu cầu ông Q phải trả lại cho bà số tiền này.

Xét thấy: Căn cứ theo xác nhận của Công ty R tại Công văn số: 02/2017/TB-HT ngày 8/9/2017 thì: Tổng số tiền ông Nguyễn Hưng Q đã đặt cọc cho Công ty R để thực hiện Hợp đồng đặt cọc số: 9/HĐĐC-HT ngày 8/01/2015 là 669.505.605đ.

Căn cứ vào Biên bản thanh lý hợp đồng số: 16/TL-HĐĐC-SK/2016 ngày 01/02/2016 giữa ông Q với Công ty R và Phiếu chi ngày 01/02/2016 của Công ty R thì ngày 01/02/2016 ông Q và Công ty R thanh lý Hợp đồng đặt cọc mua bán căn hộ chung cư số: 9/HĐĐC-HT ngày 8/01/2015 thuộc dự án Căn hộ Chung cư (Sky Center), số 10 J, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo đó Công ty R trả lại ông Q 669.505.605đ.

Quá trình giải quyết vụ án, tại Biên bản hòa giải ngày 27/3/2017, ngày 19/5/2017; Biên bản lấy lời khai ngày 9/4/2018 ông Q đều khẳng định tiền đặt cọc, tiền thanh toán theo tiến độ để mua căn hộ của Công ty R bà V là người trả, ông không biết bà V trả mấy lần tiền, số tiền bao nhiêu, đây là tài sản riêng của bà V. Nên tại phiên tòa, ông Q cho rằng số tiền 669.505.605đ nhận lại từ Công ty R là tài sản chung là không có cơ sở.

Như trên đã phân tích, căn cứ theo Phiếu chi ngày 01/02/2016 của Công ty R thì ông Q là người ký nhận số tiền 669.505.605đ, tại Biên bản lấy lấy khai ngày 9/4/2018 ông Q cũng khẳng định khi thanh lý hợp đồng ông đã ký nhận lại của Công ty R số tiền 669.505.605đ. Ông Q cho rằng ông chỉ là người ký nhận tiền nhưng thực tế bà V là người nhận tiền, số tiền này đã được hai vợ chồng chi tiêu trong khoảng một tháng nhưng lại không có chứng cứ chứng minh.

Từ những căn cứ, nhận định trên có thể khẳng định ngày 01/02/2016 ông Q đã nhận 669.505.605đ của Công ty R để thanh lý Hợp đồng đặt cọc mua bán căn hộ chung cư thuộc dự án Căn hộ Chung cư (Sky Center), số 10 J, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Số tiền này bà V là người đặt cọc, thanh toán theo tiến độ cho Công ty R, nên đây là tiền riêng của bà V. Ông Q là người đang giữ số tiền này của bà V nên ông Q phải có trách nhiệm trả lại cho bà V nên bà V yêu cầu ông Q phải trả lại 669.505.605đ là có cơ sở, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà V.

[10] Đối với yêu cầu ông Nguyễn Hưng Q phải hỗ trợ 156.000.000đ để bà V trả nợ cho Ngân hàng, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa hôm nay bà V rút lại yêu cầu nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này của bà V.

[11] Về thời hạn thi hành: Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[12] Địa điểm thi hành : Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

[13] Về án phí: Căn cứ Điều 26; điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, ông Q phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí ông Q đã nộp. Ông Q phải chịu 30.780.224đ tiền án phí đối với yêu cầu tranh chấp tài sản của bà V được chấp nhận.

Bà V phải chịu 7.800.000đ án phí đối với yêu cầu ông Q phải hỗ trợ 156.000.000đ, số tiền án phí này được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí bà V đã nộp, bà V còn được nhận lại 10.127.991đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 21; Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 227; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 56, 57, 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào Khoản 5 Điều 26; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn – ông Nguyễn Hưng Q.

a. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Hưng Q và bà Mạnh Tường V.

b. Về con chung: Ông Nguyễn Hưng Q và bà Mạnh Tường V xác nhận không có.

c. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Hưng Q và bà Mạnh Tường V xác nhận không có.

d/ Về nợ chung: Ông Nguyễn Hưng Q và bà Mạnh Tường V xác nhận không có.

2/ Chấp nhận yêu cầu của bà Mạnh Tường V.

Buộc ông Nguyễn Hưng Q phải trả lại cho bà Mạnh Tường V 669.505.605đ (Sáu trăm sáu mươi chín triệu năm trăm linh năm ngàn sáu trăm linh năm đồng).

3/ Đình chỉ yêu cầu của bà Mạnh Tường V, yêu cầu ông Nguyễn Hưng Q phải hỗ trợ 156.000.000đ (Một trăm năm mươi sáu triệu đồng).

4/ Về thời hạn thi hành: Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

5/ Địa điểm thi hành: Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

6/ Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do ông Nguyễn Hưng Q chịu, được cấn trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Hưng Q đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0012117 ngày 8/02/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Hưng Q phải chịu 30.780.224đ (Ba mươi triệu bảy trăm tám mươi ngàn hai trăm hai mươi bốn đồng) án phí đối với yêu cầu tranh chấp tài sản của bà Mạnh Tường V được chấp nhận.

Bà Mạnh Tường V phải chịu 7.800.000đ (Bảy triệu tám trăm ngàn đồng) tiền án phí được cấn trừ vào 17.927.911đ (Mười bảy triệu chín trăm hai mươi bảy ngàn chín trăm mười một đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0006488 ngày 3/7/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Mạnh Tường V còn được nhận lại 10.127.911đ (Mười bảy triệu một trăm hai mươi bảy ngàn chín trăm mười một đồng) theo Biên lai tạm ứng án phí nêu trên.

6/ Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

7/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định

tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

8/ Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Hưng Q, bà Mạnh Tường V được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ngân hàng Thương mại Cổ phần X được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận :
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mai Hương